



BSC WEEKLY REVIEW
Tuần 16 (17/04-21/04/23)

*Việt Nam và câu chuyện nâng hạng
thị trường chứng khoán*

NỘI DUNG

1. CHIẾN THUẬT TUẦN TỚI: *Mất vùng hỗ trợ ngắn hạn, chỉ số tích lũy lại ở vùng giá dưới 1,050 điểm*
2. CHUYÊN MỤC TUẦN: *Việt Nam và câu chuyện nâng hạng thị trường chứng khoán*
3. THỊ TRƯỜNG TIỀN TỆ
4. PTKT VN-INDEX: *Mất đà tăng, VN-Index quay lại thế giằng co ở vùng giá thấp chờ vận động mới*
5. TIN VĨ MÔ: *2 phương án giảm thuế VAT năm 2023 được đưa ra*
6. VẬN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG: *Viễn thông 6%*
7. KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

CHIẾN THUẬT TUẦN: *Mất vùng hỗ trợ ngắn hạn, chỉ số tích lũy lại ở vùng giá dưới 1,050 điểm*

	Điểm số	Thay đổi (%)
VN-INDEX	1052.89	-1.57%
GTGD/phiên (tỷ VND)	11,126.54	-8.57%
Khối ngoại (tỷ VND)	-1734.59	
HNX-INDEX	207.25	-2.06%
GTGD/phiên (tỷ VND)	1548.30	-0.72%
Khối ngoại (tỷ VND)	23.54	

TTCK	Điểm số	% Ngày	% Tuần	% Tháng
US (S&P500)	4146.22	1.33%	1.37%	6.53%
EU (EURO STOXX)	4372.93	0.22%	1.73%	8.38%
China (SHCOMP)	3338.15	0.60%	0.32%	3.45%
Japan (NIKKEI)	28493.47	1.20%	3.54%	5.49%
Korea (KOSPI)	2571.49	0.38%	3.26%	7.34%
Singapore (STI)	3302.66	0.25%	0.07%	4.66%
Thailand (SET)	1592.67	-0.28%	-0.09%	4.51%
Phillipines (PCOMP)	6481.91	0.51%	0.15%	1.39%
Malaysia (KLCI)	1435.13	0.06%	0.57%	1.66%
Indonesia (JCI)	6818.57	0.49%	0.38%	2.66%
Vietnam (VNIndex)	1052.89	-1.07%	-1.57%	0.74%

HĐTL	Điểm số	± Basis	GTGD* / phiên	HĐM^ / phiên
VN30F2304	1063.10	-0.03%	19,790	55,619
VN30F2305	1060.90	-0.24%	155	3,170
VN30F2306	1058.20	-0.49%	6	1,070
VN30F2309	1056.90	-0.61%	7	273

TTCK VIỆT NAM

Xu hướng chứng, NĐT đẩy mạnh hoạt động chốt lãi

VN-Index quay đầu giảm 1.57% kết thúc 3 tuần tăng điểm khi đà tăng của chỉ số chứng và áp lực bán ròng khối ngoại gia tăng (bán ròng khoảng 69 triệu USD). Khối ngoại liên tục bán ra tạo áp lực không nhỏ lên diễn biến và tâm lý thị trường khiến vận động luân chuyển ngành gián đoạn không còn thu hút được dòng tiền. Thị trường chuyển sang trạng thái kém tích cực trước hiệu ứng chốt lãi ngắn hạn lan rộng. Độ rộng giảm điểm tăng với 15/19 ngành giảm và 61% cổ phiếu giảm. Những ngành tăng tốt như Du lịch & giải trí, dịch vụ tài chính và dầu khí giảm từ 2-4%, còn những ngành chưa tăng ở các tuần trước như bán lẻ, y tế tăng tăng từ 1.5 – 2.7%. Các công ty đang dần công bố KQKD quý I và phần lớn đang được thị trường dự báo kém khả quan. NĐT do vậy có thể canh mua ở những nhịp cổ phiếu giảm sâu cho hoạt động đầu tư trung hạn bám theo chu kỳ lãi suất giảm. Chuyên gia IMF nhận định Việt Nam là một trong những điểm sáng kinh tế toàn cầu. IMF điều chỉnh dự báo tăng trưởng tích cực hơn lên mức 5.8% năm 2023 và 6.9% năm 2024. Lạm phát sẽ về mức mục tiêu 4.3% năm 2024. Việt Nam cần tập trung giảm lạm phát, chính sách tài khoản hướng tới hỗ trợ gia đình dễ bị tổn thương đồng thời ưu tiên ổn định thị trường BĐS và TPDN. Trước đó, báo cáo Eurocham nhìn nhận môi trường kinh doanh Việt Nam cải thiện và là điểm hút FDI. 36% số người tham gia khảo sát xếp Việt Nam ở vị trí đầu tiên top 3 hoặc top 5 điểm đầu tư hàng đầu. Lĩnh vực đánh giá cao về đầu tư gồm du lịch, dịch vụ nhà hàng và năng lượng tái tạo. Mặc dù tăng trưởng quý I thấp nhưng tiềm năng tăng trưởng cũng như cải thiện môi trường kinh doanh Việt Nam vẫn được các tổ chức quốc tế đánh giá cao.

TTCK THẾ GIỚI

TT tiếp tục giằng co giữa nỗi lo suy thoái và quan điểm chính sách của FED

Các chỉ số CK Hoa Kỳ hồi phục nhẹ tăng bình quân 0.6% trước những thông tin trái chiều về CPI vs quan điểm từ biên bản FOMC cũng kỳ vọng về mùa công bố KQKD quý I. Thị trường Châu Âu tiếp tục mở rộng đà tăng điểm với mức tăng gần 1%. Diễn biến phân hóa tiếp tục diễn ra trên thị trường Châu Á, ngoại trừ TTCK Nhật bản +3.5% nhờ các cổ phiếu ngành bán lẻ tăng mạnh. Chỉ số hàng hóa CRB Index tăng 1.4%, đóng góp mức tăng tháng lên mức 6%. Dầu thô, kim loại quý, và một số nông sản (cafe, gạo) dẫn đầu đà tăng kéo dài chuỗi tăng tuần thứ 3. Thông tin CPI cũng khiến cho chỉ số DXY giảm 1.1%, qua đó ghi nhận chuỗi tuần giảm thứ 5 và cũng ghi nhận mức giảm 3.6% trong tháng. Tuần sau, thế giới không có thông tin nổi bật, NĐT sẽ chuyển sự chú ý vào mùa công bố KQKD quý I. Lạm phát Hoa Kỳ tháng 3 tiếp tục hạ nhiệt khi chỉ tăng 0.1% so với tháng 2, thấp hơn mức 0.2% dự báo, qua đó kéo CPI cùng kỳ từ 6% xuống 5%. CPI lõi tăng 0.4%mom và tăng 5.6%yoy như dự báo. Lạm phát công bố cao hơn so mục tiêu FED nhưng đã củng cố xu hướng giảm của lạm phát. Biên bản FOMC tháng 3 cho thấy dù lo ngại nền kinh tế có thể rơi vào suy thoái nhẹ, FED vẫn có thể tăng LS thêm 0.5% trong kỳ họp tháng 5. Diễn biến tương đồng với nền kinh tế thứ 2 thế giới, CPI Trung Quốc tháng 3 chỉ tăng 0.7%yoy từ mức 1% của tháng 2, mức thấp nhất trong 18 tháng. Trung Quốc đang trải qua quá trình thiếu phát do phục hồi không đồng đều sau dịch và suy giảm từ lĩnh vực sản xuất và thị trường lao động. Chính phủ nước này cũng thực hiện các biện pháp vực dậy nền kinh tế như cắt giảm dự trữ bắt buộc, hỗ trợ lĩnh vực xuất khẩu, bất động sản. Nguy cơ suy thoái cũng sẽ sớm thúc đẩy các NHTW điều chỉnh chính sách thắt chặt tiền tệ sang nơi lỏng tương tự Trung Quốc. Báo cáo việc làm ADP ngày 5/4 cho thấy nhà tuyển dụng Hoa Kỳ giảm tốc độ tuyển dụng trong tháng 3 khi chỉ tạo 145 nghìn việc làm, giảm 116 nghìn việc làm so tháng 2. Tăng trưởng lao động với người không thay đổi việc và thay đổi việc giảm lần lượt 6.9% và 14.2%. Thâm hụt thương mại tháng 2 tăng 2.7% do xuất khẩu hàng hóa giảm. PMI tháng 3 theo ISM giảm về 46.3, mức thấp nhất gần 2 năm do số lượng đơn hàng sụt giảm. Đây là một trong những dấu hiệu cho thấy nền kinh tế Hoa Kỳ đang hạ nhiệt sau các biện pháp thắt chặt tiền tệ nhằm kiểm soát lạm phát. Sau các dữ liệu trên, NĐT đã tăng đặt cược vào khả năng FED sẽ không có động thái nào trong cuộc họp ngày 02-03/05. Tỷ lệ dự báo cho khả năng này trên CME Fedwatch tăng từ 53% lên mức 58.5% sau 1 tuần. Tại kỳ họp tháng 2, đa số thành viên FOMC thấy cần tăng lãi suất 1 lần lên 5.1% và không cắt giảm lãi suất cho đến 2024.

Chú thích: * tỷ VNĐ
^ hợp đồng

CHUYÊN MỤC TUẦN: Việt Nam và câu chuyện nâng hạng thị trường chứng khoán

Trong dự thảo Chiến lược phát triển thị trường chứng khoán, thị trường bảo hiểm đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030, Bộ Tài chính đề ra mục tiêu nâng hạng TTCK Việt Nam lên **thị trường mới nổi trước năm 2025**. Ngân hàng thế giới (WB) và tổ chức FTSE Russell đã làm việc, hỗ trợ Việt Nam trong quá trình nâng hạng và gần nhất vào T05/2022 UBCKNN đã ký văn bản hợp tác với SGDCK New York (NYSE) về việc hỗ trợ nâng hạng. Cơ hội và thách thức gì đang chờ đợi TTCK Việt Nam khi được nâng hạng lên thị trường mới nổi?

TTCK Việt Nam trong đánh giá của MSCI và FTSE

Theo tiêu chí của MSCI và FTSE, Việt Nam đang ở thị trường cận biên đã đáp ứng một số các tiêu chí phân loại thị trường mới nổi tuy nhiên vẫn còn nhiều điều kiện cần thay đổi để đáp ứng, cụ thể như sau:

Bảng 01: Tổng hợp các tiêu chí đánh giá của MSCI và FTSE về TTCK Việt Nam

Tiêu chuẩn	MSCI (T06/2022)	FTSE (T03/2023)
Theo các báo cáo đánh giá gần nhất của MSCI và FTSE, Việt Nam còn thiếu nhiều tiêu chí và cần phải cải thiện để sớm được nâng hạng thị trường. Nhìn chung, một số vấn đề chính cơ quan quản lý cần sớm hoàn thiện, điều chỉnh bao gồm: (1) thành lập trung tâm thanh toán bù trừ trung tâm (CCP) – điểm mấu chốt khi cả FTSE và MSCI đều coi đây là nút thắt trong việc nâng hạng thị trường, (2) nâng cao chất lượng cơ sở hạ tầng, (3) hoàn thiện cơ chế chính sách, (4) vấn đề liên quan đến tỷ lệ sở hữu nước ngoài, (5) tăng cường các hoạt động bảo vệ quyền lợi cho nhà đầu tư và (6) tăng cường hoạt động thanh tra, kiểm tra giám sát.	Tiêu chuẩn về định lượng: gần như đã đáp ứng được 4 tiêu chuẩn: - Số lượng công ty - Tổng vốn hóa thị trường - Vốn hóa điều chỉnh free-float - Thanh khoản thị trường Tiêu chuẩn về định tính: có 9/17 tiêu chí chưa đạt: - Giới hạn sở hữu nước ngoài - Room ngoại còn lại cho NĐTNN - Quyền bình đẳng của NĐTNN - Mức độ tự do thị trường ngoại hối - Luồng thông tin - Thanh toán bù trừ - Khả năng chuyển nhượng - Cho vay chứng khoán - Bán khống	- Đạt chuẩn các tiêu chí về lưu ký, thanh toán và môi trường giao dịch. - Đạt 2/7 tiêu chí về môi trường quy định và pháp lý: có cơ quan quản lý thị trường và không phản đối, hạn chế hoặc áp dụng hình phạt đối với các hoạt động đầu tư/ thu hồi vốn. - Đạt tiêu chí chu kỳ thanh toán T+2 Các tiêu chí hạn chế thuộc mảng môi trường quy định pháp lý: - Đối xử công bằng với cổ đông thiểu số - Hạn chế quyền sở hữu nước ngoài - Thị trường ngoại hối phát triển - Đơn giản hóa quy trình đăng ký cho NĐTNN Các tiêu chí bị hạn chế thuộc mảng môi trường giao dịch: - Hoạt động cho vay chứng khoán, - Giao dịch OTC - Cơ chế giao dịch hiệu quả. Có 3 tiêu chí chưa đạt chuẩn bao gồm: - Tự do chuyển nhượng chứng khoán - Bán khống - Thị trường phái sinh phát triển.

Nguồn: MSCI, FTSE, BSC Research

Nhận xét: Nhìn chung Việt Nam về cơ bản đã đáp ứng được phần lớn các tiêu chí của FTSE (7/9 tiêu chí) đối với xếp hạng thị trường mới nổi sơ cấp (Secondary Emerging) tuy nhiên đối với tiêu chí nâng hạng của MSCI mới đáp ứng 8/17 tiêu chí – tiêu chuẩn xếp hạng của MSCI khắt khe và không linh hoạt bằng việc phân loại của FTSE Russell. Một số các tiêu chí như: mức độ tự do trên thị trường ngoại hối, cho vay chứng khoán và bán khống là những vấn đề cần thời gian để cải thiện, mặc dù vậy, đây chưa phải là các yếu tố bắt buộc cần có để được nâng hạng. Bên cạnh đó, việc chuẩn bị đưa hệ thống giao dịch mới (KRX) vận hành trong 2023 sẽ là một điểm đáng lưu ý đối với 2 tổ chức xếp hạng cho các kỳ đánh giá còn lại trong năm đối với TTCK Việt Nam.

CHUYÊN MỤC TUẦN: Việt Nam và câu chuyện nâng hạng thị trường chứng khoán

Điều gì chờ đợi TTCK Việt Nam nếu chính thức được nâng hạng?

Trong trường hợp Việt Nam được các tổ chức FTSE, MSCI nâng hạng lên thị trường mới nổi TTCK nói riêng và nền kinh tế Việt Nam nói chung sẽ có thể được hưởng lợi ở một số khía cạnh như: (1) tăng cường tính hội nhập toàn cầu, nâng tầm TTCK Việt Nam và vị thế quốc gia, (2) doanh nghiệp có nhiều cơ hội tiếp cận với các nhà đầu tư nước ngoài tiềm năng, (3) tăng cường tính hấp dẫn của TTCK Việt Nam đối với các nhà đầu tư và (4) đón nhận dòng vốn lớn từ các quỹ đầu tư trên thế giới.

Dòng vốn đầu tư nước ngoài thông qua các quỹ mở, quỹ ETF – tham chiếu theo các bộ chỉ số của MSCI và FTSE được kỳ vọng sẽ “đổ” vào TTCK Việt Nam với quy mô lớn. Theo dữ liệu từ Bloomberg, tính đến hết 31/03/2023 hiện đang có **470 Quỹ với tổng quy mô 890 tỷ USD bao gồm 155 Quỹ ETF (quy mô 338 tỷ USD) và 315 Quỹ mở (quy mô 552 tỷ USD)** đang đầu tư vào TTCK mới nổi theo xếp hạng của MSCI và FTSE, trong đó tỷ trọng các Quỹ tham chiếu theo MSCI (88%) nhiều hơn so với FTSE (12%).

- **TTCK Philippines:** tham chiếu theo bộ tiêu chí của FTSE hiện đang có 34 quỹ đầu tư với tổng quy mô 1.5 tỷ USD, theo MSCI là 185 quỹ với tổng quy mô 2.1 tỷ USD;
- **TTCK Malaysia:** với tổng quy mô đầu tư các quỹ hiện tại là 8.4 tỷ USD trong đó theo tiêu chí FTSE là 42 quỹ với tổng quy mô 3.5 tỷ USD và MSCI là 196 quỹ với quy mô 4.8 tỷ USD;
- **TTCK Indonesia và Thái Lan:** đây là 2 thị trường có quy mô vốn hoá lớn hơn, mặc dù TTCK Indonesia hiện đang được FTSE xếp hạng thị trường mới nổi sơ cấp nhưng với tiềm năng tăng trưởng lớn các Quỹ đầu tư nước ngoài đã rót 12 tỷ USD – tương đương với quy mô của TTCK Thái Lan (đã được FTSE xếp hạng TTCK mới nổi tiên tiến).

Theo ước tính của BSC, trong trường hợp nếu MSCI và FTSE nâng hạng Việt Nam lên TTCK mới nổi sẽ có **khoảng 3.5-4 tỷ USD** mua mới các cổ phiếu Việt Nam. Ước tính dựa trên giả định tỷ trọng các cổ phiếu Việt Nam được mua mới ở mức bình quân khoảng 0.7% - tương đương với tỷ trọng của các cổ phiếu TTCK Philippines (được FTSE xếp hạng TTCK mới nổi sơ cấp) trong các danh mục đầu tư các quỹ hiện tại.

Do Việt Nam hiện vẫn chưa có trong danh sách nâng hạng của MSCI và đã trong danh sách theo dõi của FTSE nên ở kịch bản gần nhất khi được FTSE chính thức nâng hạng lên TTCK mới nổi sơ cấp thị trường dự kiến sẽ đón nhận **khoảng 1.5 tỷ USD** từ các Quỹ đầu tư mở/ETF tham chiếu theo bộ chỉ tiêu của FTSE – tương đương với quy mô mà TTCK Philippines hiện tại.

Nhận xét: TTCK Việt Nam đã được FTSE đưa vào danh sách theo dõi xem xét nâng hạng lên thị trường mới nổi sơ cấp kể từ T09/2018 tuy nhiên mới đây nhất FTSE đã cảnh báo về quá trình nâng hạng thị trường Việt Nam khi việc cải tổ vẫn chưa rõ ràng đồng thời FTSE Russell có thể cân nhắc lại việc giữ Việt Nam trong danh sách theo dõi nâng hạng. Mặt khác, Việt Nam cũng chưa có tên trong danh sách theo dõi nâng hạng của MSCI do đó để TTCK Việt Nam tiếp tục có một bước chuyển mình mới, hội nhập sâu rộng với sự phát triển chung trong khu vực và thế giới rất cần sự chỉ đạo, hành động quyết liệt, hiệu quả của các cơ quan quản lý, sự chung tay của các thành viên tham gia trong việc thúc đẩy sự phát triển bền vững của thị trường nhằm đạt được mục tiêu nâng hạng thị trường vào năm 2025 mà Bộ Tài chính đã đặt ra.

Bảng 02: Quy mô đầu tư các Quỹ mở, Quỹ ETF tại các TTCK mới nổi khu vực ASEAN

Tiêu chí		Indonesia	Philippines	Thailand	Malaysia	Vietnam
Chỉ số tham chiếu		JCI Index	PASHR Index	SET Index	FBMEMAS Index	VN-Index
Vốn hóa (Tỷ USD)		635	300	577	310	181
Số lượng cổ phiếu		825	286	668	261	402
Xếp hạng	Phân loại TTCK	Secondary Emerging Market		Advanced Emerging Market		Frontier Frontier
Tỷ trọng trung bình (%)	FTSE	1.85	0.75	2.04	1.14	
	MSCI	3.49	0.74	3.92	1.76	
	Tổng	3.09	0.75	3.47	1.60	
Quỹ ETF	Số lượng quỹ	FTSE	27	22	25	26
	MSCI	82	74	79	79	
	Tổng	109	96	104	105	
Giá trị (tr. USD)	FTSE	2,006	757	2,720	1,728	
	MSCI	3,446	1,294	4,490	3,110	
	Tổng	5,452	2,051	7,210	4,838	
Tỷ trọng trung bình (%)	FTSE	5.27	0.53	1.77	1.18	
	MSCI	2.46	0.70	1.90	1.30	
	Tổng	2.71	0.68	1.89	1.29	
Quỹ mở	Số lượng quỹ	FTSE	14	12	18	16
	MSCI	145	111	130	117	
	Tổng	159	123	148	133	
Giá trị (tr. USD)	FTSE	3,932	779	2,742	1,823	
	MSCI	2,658	839	2,587	1,749	
	Tổng	6,590	1,618	5,328	3,571	
Tỷ trọng trung bình (%)	FTSE	3.56	0.64	1.91	1.16	
	MSCI	2.98	0.72	2.91	1.53	
	Tổng	2.90	0.72	2.68	1.45	
Tổng cộng	Số lượng quỹ	FTSE	41	34	43	42
	MSCI	227	185	209	196	
	Tổng	268	219	252	238	
Giá trị (tr. USD)	FTSE	5,938	1,536	5,462	3,551	
	MSCI	6,104	2,133	7,077	4,859	
	Tổng	12,042	3,669	12,538	8,409	

* Số liệu cập nhật đến hết ngày 31/03/2023
Nguồn: Bloomberg, BSC Research

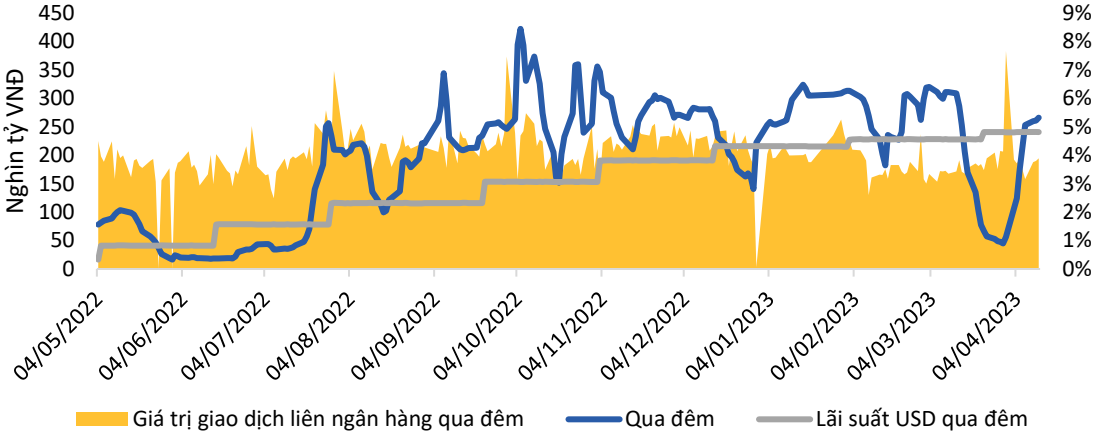
THỊ TRƯỜNG TIỀN TỆ

Giao dịch tín phiếu trên OMO:

Tuần	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Giá trị hút (tỷ VNĐ)	Giá trị bơm (tỷ VNĐ)	Giá trị bơm ròng (tỷ VNĐ)
Tuần 8	20/2/2023	24/2/2023	140,778.66	97,678.62	-43,100.04
Tuần 9	27/2/2023	3/3/2023	108,858.72	106,932.02	-1,926.70
Tuần 10	6/3/2023	10/3/2023	124,881.99	95,623.96	-29,258.03
Tuần 11	13/3/2023	17/3/2023	34,238.39	86,704.95	52,466.56
Tuần 12	20/3/2023	24/3/2023	2,118.67	215.50	-1,903.17
Tuần 13	27/3/2023	31/3/2023	0.00	0.00	0.00
Tuần 14	3/4/2023	7/4/2023	0.00	4,398.93	4,398.93
Tuần 15	10/4/2023	14/4/2023	986.48	66,781.34	65,794.86

Nguồn: BSC Research

Diễn biến giao dịch thị trường liên ngân hàng



Nguồn: Fiinpro, BSC Research

Giao dịch thị trường liên ngân hàng:

	Qua đêm	1 tuần	2 tuần	1 tháng	3 tháng	6 tháng	9 tháng
Lãi suất liên ngân hàng BQ	5.24%	5.32%	5.08%	5.65%	6.55%	8.71%	8.24%
So với tuần trước	-7.83%	-8.83%	-9.58%	-15.51%	-20.70%	-25.59%	-27.69%
GTGD LNH BQ (tỷ VNĐ)	190,651.33	13,636	2,461	2,967	2,405	134	84
So với tuần trước	4.56%	15.61%	-25.99%	61.96%	167.33%	-39.59%	47%

* Note: Dữ liệu cập nhật tới ngày 12/04/2023

Nguồn: Fiinpro, BSC Research

Nhận xét: Trong tuần 15, SBV đã bơm ròng 65.79 nghìn tỷ đồng qua OMO. Lãi suất liên ngân hàng bình quân qua đêm giảm trong khi thanh khoản bình quân tăng.

- Lãi suất liên ngân hàng bình quân qua đêm: 5.24%
- Khối lượng giao dịch liên ngân hàng bình quân qua đêm: 190.65 nghìn tỷ VNĐ

PTKT VN-INDEX: Mất đà tăng, VN-Index quay lại thế giằng co ở vùng giá thấp chờ vận động mới

Đồ thị ngày: Diễn biến giằng co diễn ra phần lớn thời gian trong tuần tuy nhiên phiên bán mạnh cuối tuần đẩy VN-Index rớt dưới SMA20 và 50. Các chỉ báo kỹ thuật giảm dưới mức trung bình cho thấy thị trường đang mất dần đà tăng điểm ngắn hạn. Phiên giao dịch cuối tuần xuyên thủng ngưỡng hỗ trợ với KLGD gia tăng là tín hiệu kém tích cực, cảnh báo nhịp tăng ngắn hạn kết thúc và thị trường cần có thời gian tích lũy ở vùng giá thấp hơn.

Một vài đặc điểm chú ý của đồ thị ngày:

- RSI giảm từ 56 xuống 44 điểm.
- MACD cắt đường tín hiệu từ trên xuống và vẫn giữ trên mức 0.
- Thanh khoản giảm 7% so tuần trước.
- VN-Index giảm dưới SMA20, 50 và trên SMA100.

Nhận định: VN-Index có phiên giao dịch kiểm tra và xuyên thủng ngưỡng hỗ trợ từ 1,060-1,065 điểm, vùng hội tụ SMA20 và đường viền cổ của mô hình W mini. Kể từ nhịp điều chỉnh 4/2022, vùng giá từ 1,050 – 1,080 điểm có khối lượng cổ phiếu tích lũy lớn nhất. Áp lực bán do vậy lãi sẽ tăng mạnh khi chỉ số áp sát 1,080 điểm và ngược lại sẽ suy yếu khi giảm dưới 1,050 điểm. Thị trường sẽ giằng co theo chiều xuống khi dòng tiền nội suy yếu và từ hoạt động bán ròng của khối ngoại nhưng sẽ sớm ổn định khi chưa hội tụ các yếu tố tiêu cực khiến chỉ số giảm sâu trong ngắn hạn.



Nguồn: BSC Research

TIN VĨ MÔ: 2 phương án giảm thuế VAT năm 2023 được đưa ra

VIỆT NAM:

- Chính phủ: ban hành Nghị quyết 50/NQ-CP ngày 8/4/2023 hội nghị Chính phủ với địa phương và phiên họp thường kỳ T3.2023 trong đó có chỉ đạo lập tổ công tác đặc biệt ở các tỉnh gỡ khó cho doanh nghiệp.
- Thủ tướng yêu cầu rà soát và cắt giảm tối đa các thủ tục rườm rà trong giao dịch đất đai tại phiên họp Chính phủ chuyên đề xây dựng pháp luật T4.2023 sáng ngày 10/4.
- Chính phủ: tổng trả nợ trong quý 1 khoảng 71,552.9 tỷ đồng. Trong đó, trả nợ trực tiếp khoảng 64.595,8 tỷ đồng, trả nợ cho vay lại khoảng 6,957.2 tỷ đồng.
- Thủ tướng: yêu cầu hỗ trợ doanh nghiệp thực chất và kịp thời để xuất khẩu lâm sản đạt mục tiêu 17.5 tỷ USD và thủy sản 10 tỷ USD trong năm 2023.
- Chính phủ: tổ công tác đặc biệt về dự án FDI và ODA làm việc với 5 tỉnh Đông Nam Bộ để rà soát, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc và thúc đẩy các dự án đầu tư trong cuộc họp ngày 13/4.
- Bộ Tài chính: tiếp tục khẳng định nghĩa vụ của doanh nghiệp còn dư nợ trái phiếu có trách nhiệm đến cùng đối với nghĩa vụ nợ trái phiếu, chủ động minh bạch hóa thông tin tình hình tài chính và khả năng trả nợ.
- Bộ Tài chính: có văn bản gửi Thủ tướng Chính phủ về rà soát, điều chỉnh khoản chi phí kinh doanh định mức trong giá cơ sở xăng dầu.
- Bộ Tài chính: Q1.2023 không có doanh nghiệp thực hiện cổ phần hóa. Nguồn thu thoái vốn nhà nước thu về NSNN 3T.2023 đạt 168.4 tỷ đồng trong khi kế hoạch thu năm 2023 là 3,000 tỷ đồng.
- Bộ Tài chính: đưa ra 2 phương án giảm 2% thuế VAT năm 2023. Theo đó, sẽ giảm đồng loạt 2% mức thuế suất VAT đối với nhóm hàng hoá, dịch vụ thuộc đối tượng áp dụng mức thuế suất 10% hoặc loại trừ một số nhóm hàng hoá, dịch vụ như đã triển khai trong năm vừa qua.
- NHNN: được giao thực hiện kịp thời, hiệu quả các giải pháp cơ cấu lại các ngân hàng được kiểm soát đặc biệt theo Kết luận của Bộ Chính trị; khẩn trương xây dựng phương án cơ cấu lại ngân hàng SCB.
- NHNN: quá trình giải ngân gói hỗ trợ lãi suất 2% không được như mong muốn, bởi nhiều nguyên nhân như: do quy định chưa sát, điều kiện thực tiễn đã thay đổi...
- EuroCham: trong báo cáo BCI mới công bố, tổ chức này đánh giá, Việt Nam vẫn là điểm đến thu hút mạnh mẽ dòng vốn FDI trong mắt các lãnh đạo doanh nghiệp châu Âu.

THẾ GIỚI:

- IMF: ước tính tốc độ tăng trưởng kinh tế toàn cầu năm 2023 là 2.8%, Trung Quốc là 5.2%, Mỹ là 1.6%, khu vực đồng euro là 0.8% và Ấn Độ là 5.9%.
- IMF: đã nâng dự báo lạm phát cơ bản cho năm 2023 từ 4.5% vào tháng 1 lên 5.1%, cho rằng mặc dù giá năng lượng và lương thực giảm, lạm phát vẫn chưa đạt đỉnh ở nhiều quốc gia.
- Hoa Kỳ: số lượng đơn xin trợ cấp thất nghiệp lần đầu được ghi nhận là 239,000 trong tuần kết thúc vào ngày 8/4, cao hơn một chút so với giá trị và kỳ vọng trước đó, cho thấy thị trường lao động đã nới lỏng.
- Hoa Kỳ: PPI T3.2023 giảm 0.5% MoM, đây là mức giảm nhiều nhất kể từ năm 2020, bằng chứng mới nhất cho thấy lạm phát, thường phản ánh tình trạng nguồn cung trên toàn nền kinh tế, đang chậm lại.
- Hoa Kỳ: tỷ lệ CPI trong tháng 3 đã tăng 5% so với cùng kỳ năm ngoái, mức thấp nhất kể từ tháng 5 năm 2021. CPI lõi tăng 0.4% so với tháng trước và 5.6% so với cùng kỳ, đều khớp với dự báo.
- Biên bản cuộc họp tháng 3 của FED: cho thấy cuộc khủng hoảng ngân hàng và lạm phát cao lần lượt đã thúc đẩy phe điều hâu và bờ câu đạt được thỏa thuận và chọn tăng lãi suất thêm 25 bps, các nhà kinh tế của Fed bắt đầu kỳ vọng vào một cuộc suy thoái nhẹ ở Mỹ kinh tế vào cuối năm nay.
- Báo cáo của Fed New York: Fed sẽ tiếp tục thu hẹp bảng cân đối kế toán trong vài năm và sẽ đối mặt với thu nhập ròng âm trong vài năm tới.
- BoC: giữ nguyên lãi suất ở mức 4.5%, lạm phát được dự báo sẽ giảm xuống khoảng 3% vào giữa năm 2023 và trở lại mục tiêu vào năm 2024.
- Nhật Bản: NHTW sẽ tiếp tục nới lỏng tiền tệ cho đến khi đạt được mục tiêu lạm phát một cách ổn định và bền vững.
- Trung Quốc: CPI tháng 3 chỉ tăng 0.7% so với cùng kỳ năm ngoái, giảm từ mức tăng 1% của tháng 2.
- Đài Loan: XK trong T3 giảm nhiều hơn dự kiến do nhu cầu thế giới đối với hàng điện tử vẫn yếu. Các chuyến hàng ra nước ngoài đã giảm 19.1% svck.
- Nhật Bản: NHTW đã thực hiện kế hoạch được đề xuất trước đó và đề xuất mua 100 tỷ yên trái phiếu kho bạc kỳ hạn 5 đến 10 năm với lãi suất cố định.

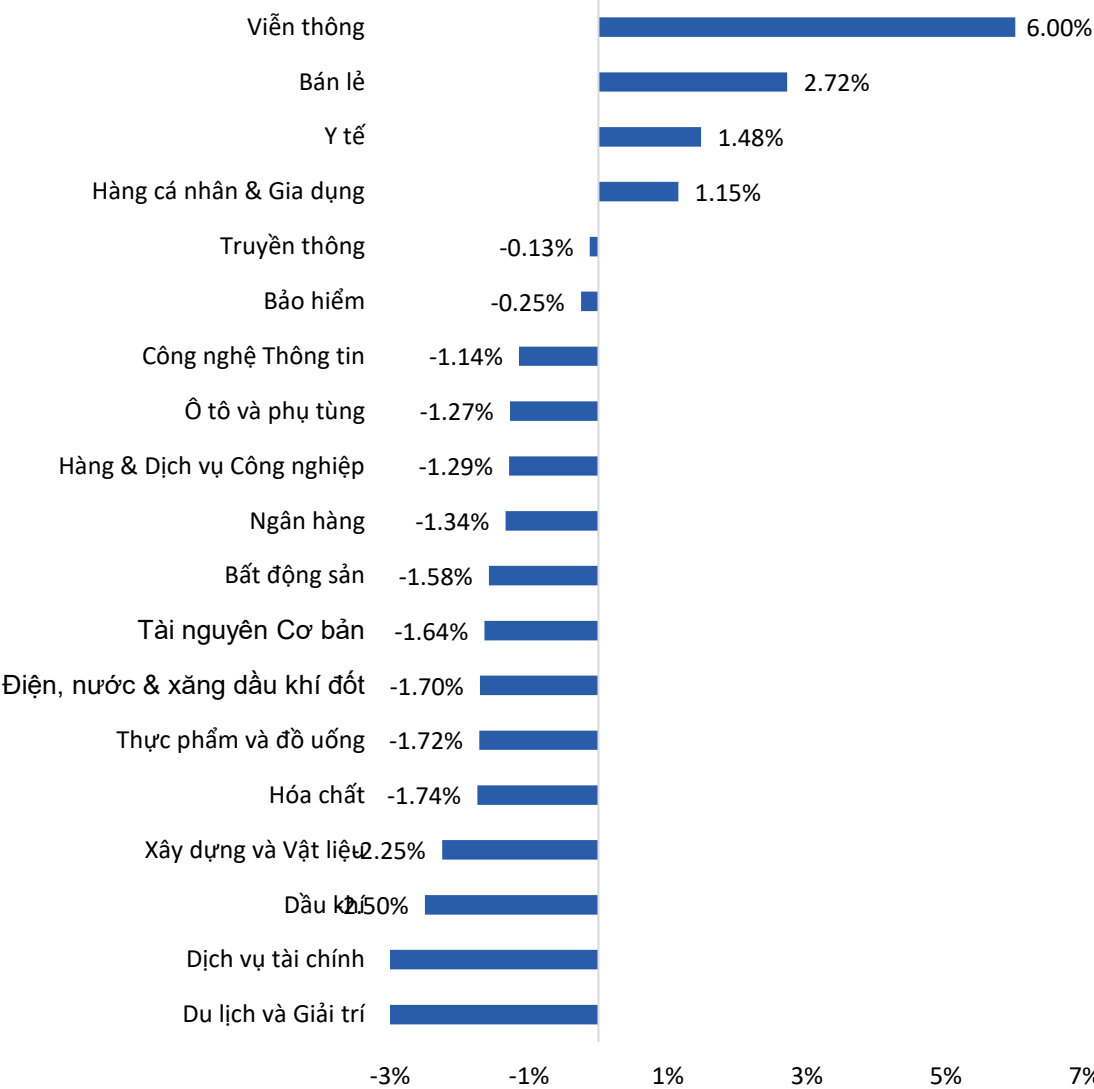
THÔNG TIN LƯU Ý TUẦN TIẾP THEO:

- Thông tin chính sách giảm thuế VAT
- Mùa họp ĐHCĐ, công bố dự kiến KQKD quý I
- 17/4, FDI Trung Quốc. 18/4, GDP, chỉ số sản xuất công nghiệp, bán lẻ và thất nghiệp Trung Quốc; Biên bản chính sách tiền tệ Australia; Thất nghiệp Anh; Cán cân thương mại EU; CPI Canada. 19/4, CPI Anh, EU; Dự trữ dầu thô Hoa Kỳ. 20/4, Đơn xin trợ cấp thất nghiệp, Doanh thu bán nhà qua sử dụng Hoa Kỳ. 21/4, PMI Anh, EU và Hoa Kỳ.

VẬN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG

Ngành	% Ngày	%Tuần	% Tháng	CP tiêu biểu			
Viễn thông	7.29%	6.00%	11.81%	VGI	-0.95%		
Bán lẻ	-2.49%	2.72%	1.95%	MWG	2.56%	PNJ	1.44%
Y tế	0.08%	1.48%	0.35%	DBD	5.14%	PME	0.38%
Hàng cá nhân & Gia dụng	-0.32%	1.15%	-0.31%	TCM	-1.14%	TNG	-0.20%
Truyền thông	0.08%	-0.13%	5.46%	YEG	-4.29%	FOC	0.09%

Mặt hàng	Đơn vị	Giá	% Ngày	% Tuần	% Tháng	Tích cực	Tiêu cực
Dầu WTI	USD/bbl.	82.45	0.35%	2.17%	21.72%	GAS, BSR	PVD, PVT
Dầu Brent	USD/bbl.	86.36	0.31%	1.46%	12.16%	GAS, BSR	PVD, PVT
Xăng	USd/gal.	284.03	0.30%	0.96%	17.42%	PLX, OIL	HVN, VJC
Vàng	USD/oz.	2,039.90	-0.02%	1.59%	7.14%		PNJ
Bạc	USD/oz.	26.04	0.81%	4.24%	19.58%		PNJ
Đậu tương	USd/bu.	1,467.25	-0.41%	0.32%	-0.49%	HKB	DBC, QNS
Lúa mì	USd/bu.	675.00	-0.15%	-1.89%	-5.33%		AFX
Sữa	USD/cwt	17.81	-0.78%	-0.78%	-3.26%	KDC	VNM, GTN, QNS
Cao su	JPY/kg	209.80	1.60%	2.54%	-3.50%	DPR, PHR, HAG, HNG	SRC, CSM, DRC
Đường	USd/lb.	23.39	0.00%	0.91%	15.96%	SBT, LSS, SLS, QNS	VNM, GTN, QNS
Cà phê	USd/lb.	194.75	0.18%	7.18%	11.48%	CTP, DLG	VCF, CTP
Đồng	USD/MT	9,058.50	1.59%	3.51%	2.16%	MSN, ACM, BGM	CAV, SAM, TGP, VTH
Thép	CNY/MT	3,916.00	0.90%	-0.76%	-8.63%	PC1, CTD, HBC	HSG, HPG, NKG
Nhôm	USD/MT	2,367.00	1.81%	-0.15%	2.33%		CAV, SAM, TGP, VTH
Quặng sắt	CNY/MT	776.00	0.13%	-1.34%	-11.21%		HPG
Than đá	USD/MT	190.25	-6.00%	-9.19%	-3.67%	HT1, BCC, PPC, POW	HLC, NBC, TNT, THT
Thép HRC	CNY/MT	583.62	1.07%	-0.52%	-8.09%	PC1, CTD, HBC	HSG, HPG, NKG



Nguồn: Bloomberg, Fiinpro, BSC Research

VẬN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG

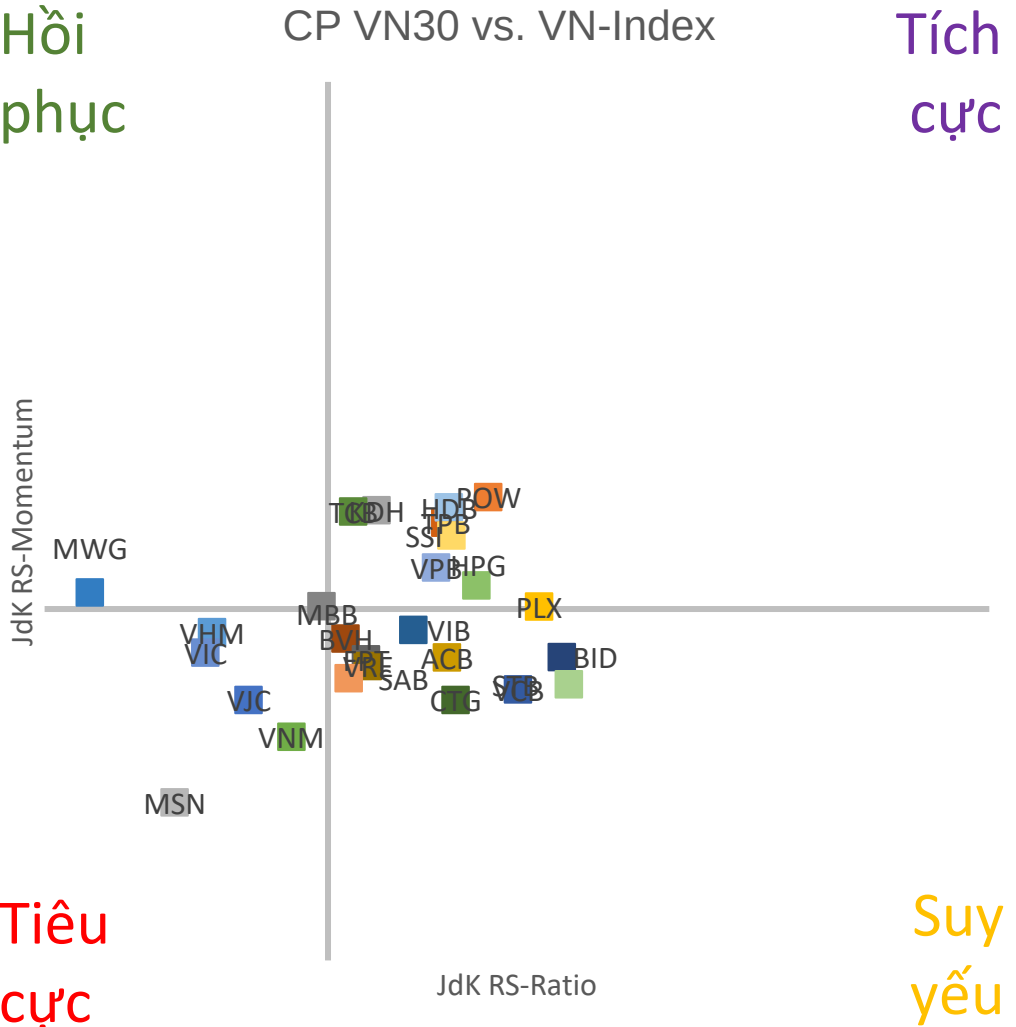
Top tăng điểm số VN-Index		
Mã	% tăng	Điểm số
NVL	5.97%	0.39
MWG	2.56%	0.37
DGC	5.22%	0.26
EIB	3.40%	0.24
PGV	4.57%	0.24
SHB	2.16%	0.19
MSN	0.64%	0.18
VHC	4.95%	0.12
MSB	1.60%	0.10
KDH	1.96%	0.10
Tổng		2.19

Top giảm điểm số VN-Index		
Mã	% giảm	Điểm số
VCB	-1.78%	-1.90
SAB	-5.65%	-1.61
BID	-2.63%	-1.52
GAS	-3.06%	-1.49
VIC	-2.76%	-1.43
VNM	-2.54%	-0.99
HPG	-2.59%	-0.80
VHM	-1.38%	-0.76
VPB	-1.91%	-0.68
VJC	-4.37%	-0.61
Tổng		-11.78

Khối ngoại mua ròng		
Mã	Mua ròng	SHNN
IDP	1,361.04	1.08
HDB	137.87	19.36
PNJ	60.28	48.69
VRE	45.87	32.91
MSN	31.51	30.30
EIB	26.53	8.33
HDG	26.40	20.59
MIG	26.28	15.62
PAN	26.12	16.63
NLG	23.37	45.41
Tổng	1,765.27	

Khối ngoại bán ròng		
Mã	Mua ròng	SHNN
STB	-287.21	26.52
HPG	-261.13	23.58
VND	-190.15	#N/A N/A
PVD	-120.08	22.02
VNM	-116.47	55.63
CTG	-110.53	28.14
VCB	-103.34	23.53
VPB	-98.96	17.55
FUEVFN	-88.43	
VCI	-71.50	24.58
Tổng	-1447.80	

Vận động cổ phiếu VN30			
POW	107.7497	103.2656	10.55%
KDH	101.6817	102.3724	9.16%
PLX	111.6608	101.0469	-1.48%
VIB	105.7222	100.7522	-3.50%
HPG	108.0546	101.134	3.51%
TPB	105.7412	102.6165	7.71%
TCB	100.241	102.179	3.96%
HDB	106.1264	103.2391	6.85%
SSI	106.1393	101.9953	10.42%
VPB	104.8617	100.3342	5.67%
PDR	52.60313	112.8736	-2.19%
NVL	38.05921	114.4407	-0.70%
MWG	87.50744	100.5695	-13.42%
GVR	96.89402	104.6061	-7.27%
BVH	101.2872	99.33688	-4.95%
FPT	102.2561	98.50452	-0.50%
VRE	102.4957	98.31078	0.00%
BID	113.2046	99.22995	-0.11%
CTG	107.3989	97.42257	-2.18%
SAB	102.4598	99.04113	-11.65%
ACB	106.6722	98.7941	-1.77%
VCB	111.2679	98.53389	-1.67%
STB	113.7616	98.43251	1.58%
VHM	93.20971	98.02458	-3.85%
VJC	96.5699	97.48288	-8.54%
VNM	98.65708	96.00639	-8.31%
MSN	93.0757	94.55535	-23.43%
VIC	93.81283	98.47279	-8.32%
MBB	99.5498	99.92354	0.27%
GAS	98.06589	99.00452	-7.97%



Nguồn: Bloomberg

Chú thích: những cổ phiếu nằm trong góc

- Tích cực → nên trong danh sách mua
- Suy yếu → nên trong danh sách theo dõi cho một điều chỉnh giảm
- Tiêu cực → nên trong danh sách tránh
- Hồi phục → nên trong danh sách theo dõi cho một vận động tăng

DANH MỤC BSC 30

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (triệu USD)	Thanh khoản (triệu USD)	EPS (VND)	P/E	Giá mục tiêu (VND)	NN sở hữu	Link
VCB	Ngân hàng	91.4	-1.40%	0.90	18,422.00	3.70	7,311.00	12.50	105,000	23.60%	Link
BID	Ngân hàng	46.2	0.00%	1.00	9,953.00	1.30	4,208.00	10.98	54,578	17.30%	Link
CTG	Ngân hàng	29.2	0.70%	1.30	5,976.00	2.90	-			28.10%	Link
VPB	Ngân hàng	21	0.70%	1.20	6,018.00	20.70	-			17.60%	Link
ACB	Ngân hàng	25	1.60%	1.10	3,596.00	6.30	4,640.00	5.39	26,000	30.00%	Link
MBB	Ngân hàng	18.2	0.00%	1.50	3,524.00	8.20	4,603.00	3.95	24,600	23.20%	Link
STB	Ngân hàng	26.2	0.80%	1.30	2,104.00	25.00	4,880.00	5.37	31,200	28.40%	Link
SSI	Chứng khoán	21.5	2.60%	1.70	1,373.00	29.30				44.00%	Link
GVR	BĐS KCN						1,217.00		19,100		Link
HPG	Vật liệu xây dựng	20.8	0.00%	1.70	5,151.00	21.10	1,916.00	10.86	25,000	23.50%	Link
HSG	Vật liệu xây dựng	16.1	-0.90%	2.30	410.00	17.60	1,896.00	8.49	18,500	16.30%	Link
VHM	BĐS	51.5	3.90%	0.80	9,551.00	6.00	5,227.00	9.85	68,300	24.20%	Link
VRE	BĐS	30	-1.20%	1.20	2,860.00	6.70	1,576.00	18.78	31,800	33.10%	Link
NLG	BĐS	26.8	7.00%	1.50	438.00	3.40	2,557.00	10.48	38,700	44.50%	Link
DPM	Phân bón	33.3	-1.00%	1.20	555.00	1.70	14,120.00	2.36	42,000	18.60%	Link
GAS	Dầu khí	102	-0.40%	0.60	8,314.00	1.10	6,793.00	15.02	122,300	3.00%	Link
PLX	Dầu khí	37.4	1.50%	1.10	2,027.00	3.90	2,625.00	14.25	42,000	17.70%	Link
BSR	Dầu khí	15.5	1.30%	1.50	-	3.40	2,292.00	6.76	18,400	0.00%	Link
PVS	Dầu khí	25.4	0.40%	1.20	517.00	4.10	1,340.00	18.96	31,100	20.90%	Link
PVT	Dầu khí	20.7	-1.00%	1.20	285.00	1.40	2,929.00	7.07	24,300	18.30%	Link
POW	Tiện ích	13.2	0.00%	1.10	1,317.00	3.50	993.00	13.29	13,000	7.80%	Link
REE	Tiện ích	67.6	0.40%	0.90	1,023.00	0.20	7,698.00	8.78	85,000	49.00%	Link
VNM	Tiêu dùng	74.4	-0.80%	0.50	6,622.00	3.40	3,895.00	19.10	87,600	55.80%	Link
MSN	Tiêu dùng	77.8	-1.80%	1.20	4,718.00	4.40	2,605.00	29.87	96,000	30.50%	Link
MWG	Bán lẻ	38.6	-0.10%	1.50	2,403.00	3.00	3,456.00	11.17	55,200	49.00%	Link
PNJ	Bán lẻ	77.7	0.00%	0.80	1,085.00	1.30	7,475.00	10.39	95,000	49.00%	Link
FRT	Bán lẻ	61	-1.10%	1.60	308.00	2.20	2,965.00	20.57	77,100	28.90%	Link
VHC	Thủy sản	53.4	0.00%	1.20	417.00	0.30	12,800.00	4.17	67,500	30.60%	Link
GMD	Logistics	51.5	0.40%	0.50	661.00	2.10	7,059.00	7.30	57,000	48.70%	Link
FPT	Công nghệ	79.1	0.00%	0.80	3,696.00	2.30	5,901.00	13.40	91,900	49.00%	Link

Danh mục BSC30 gồm bao gồm 30 công ty có vốn hóa thị trường lớn nhất kèm thanh khoản lớn nhất trên cả ba sàn giao dịch chứng khoán Ho Chi Minh (HOSE), sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) và Sàn chứng khoán phi tập trung (Upcom). Các công ty trong BSC30 đại diện cho nhiều lĩnh vực kinh tế quan trọng, bao gồm ngân hàng, chứng khoán, hàng tiêu dùng, bán lẻ, công nghệ, sản xuất, logistic, điện và bất động sản. Các cổ phiếu trong BSC 30 được các chuyên gia BSC đánh giá, chọn lọc trên các tiêu chí hoạt động kinh doanh ổn định, tài chính mạnh mẽ, quản trị hiệu quả và cạnh tranh tốt trên thị trường. Việc đầu tư vào các cổ phiếu trong danh mục BSC30 được xem là một lựa chọn đáng tin cậy cho nhà đầu tư muốn đầu tư vào thị trường chứng khoán Việt Nam. Danh mục BSC30 sẽ được BSC định kỳ công bố hàng quý.

KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG



Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings
210 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: +84 8 3821 8885
Fax: +84 8 3821 8510

Đối với Phân tích Nghiên cứu

Phòng Phân tích Nghiên cứu
hn.ptnc@bsc.com.vn
(+84) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức

Phòng TVĐT và môi giới KHTC
hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn
(+84)2439264659

Đối với Khách hàng cá nhân

Trung tâm tư vấn i-Center
i-center@bsc.com.vn
(+84)2437173639

<http://www.bsc.com.vn>

Bloomberg: RESP BSCV <GO>

CỘNG ĐỒNG NHÀ ĐẦU TƯ BSC

1

2

3

4

5

THÔNG TIN ĐĂNG KÝ

Nhập các thông tin quan trọng sau để đăng ký mở tài khoản Chứng khoán online và dùng để xác thực giao dịch của Quý khách trong tương lai:

Họ tên (*)

Ngày sinh (*)

CMTND/CCCD (*)

Ngày cấp (*)

Nơi cấp (*)

Số điện thoại (*)

Email (*)

Địa chỉ liên hệ (*)

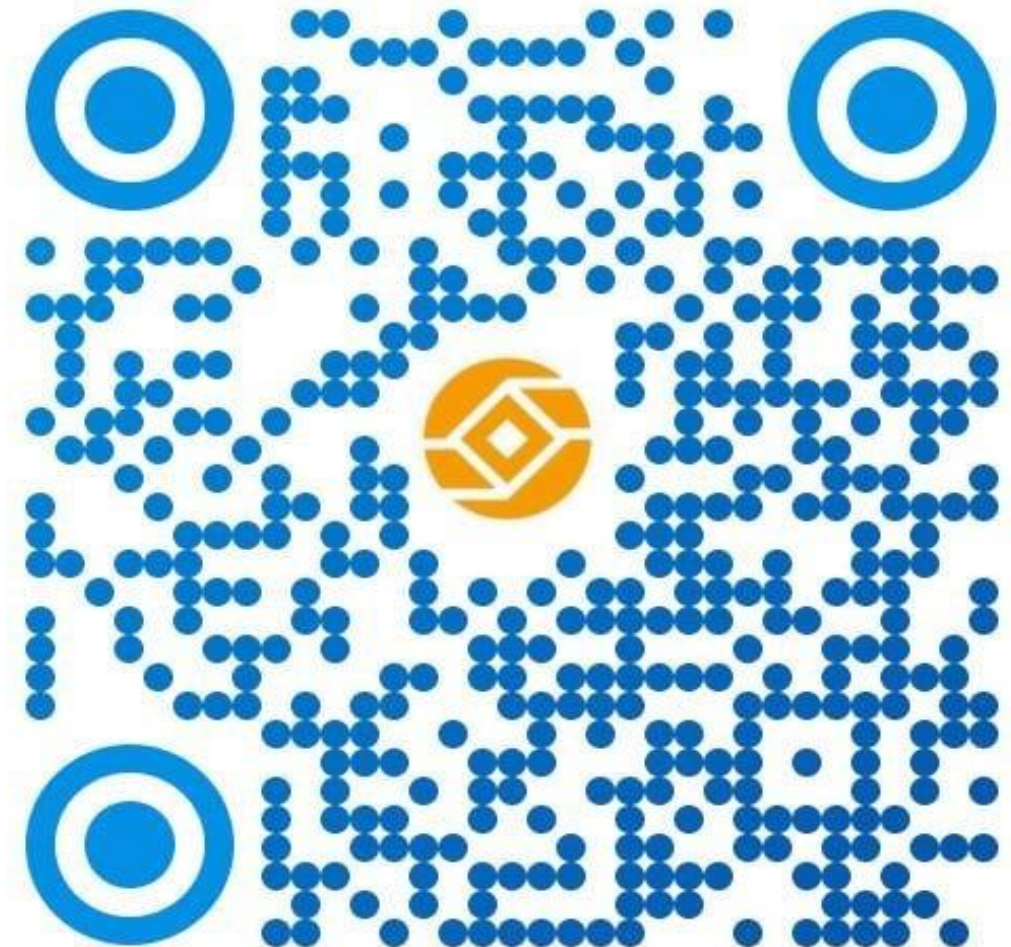
Tỉnh/Thành phố (*)

Quận/Huyện (*)

Phường/Xã (*)

Thông tin người giới thiệu (email/số tài khoản tại BSC)

TIẾP TỤC



Quý khách hàng có thể tham gia cộng đồng nhà đầu tư bằng cách quét mã QR trên đây đồng thời click vào hình bên để điền thông tin vào form đăng ký